

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THANH TRA SỞ

Số: 131 /QĐ-TT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính
về trật tự xây dựng của Thanh tra Sở Xây dựng

CHÁNH THANH TRA SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 2391/QĐ-UBND ngày 11 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoạt động của Thanh tra Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Thanh tra số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh tra năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 26/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của thanh tra ngành xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 58/2013/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Đội Hành chính - Tổng hợp tại Tờ trình ngày 06 tháng 11 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

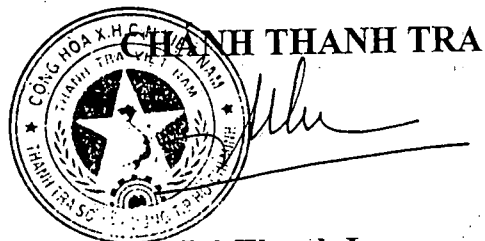
Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về trật tự xây dựng của Thanh tra Sở Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

Điều 3. Các Phó Chánh Thanh tra, Đội trưởng, Đội phó các Đội thuộc Thanh tra Sở, công chức, Thanh tra viên, nhân viên Thanh tra Sở và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /./ ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND 24 quận – huyện;
- Ban Giám đốc Sở;
- Thủ trưởng các phòng thuộc Sở;
- Lưu: VT, TTS.



Lý Thanh Long



**SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THANH TRÁ SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

QUY TRÌNH

**Kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính
về trật tự xây dựng của Thanh tra Sở Xây dựng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-TT
ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng)*

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy trình này được Thanh tra Sở Xây dựng áp dụng để kiểm tra các công trình xây dựng, xử lý các công trình xây dựng vi phạm về trật tự xây dựng và thực hiện Quyết định xử lý các hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng.

2. Công chức, nhân viên Thanh tra Sở Xây dựng thực thi nhiệm vụ kiểm tra, xử lý và thực hiện Quyết định xử lý các hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng.

Điều 2. Nguyên tắc kiểm tra, xử lý và thực hiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính

1. Tất cả các công trình xây dựng phải được kiểm tra theo quy định. Việc kiểm tra, xử lý và thực hiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính phải kịp thời, công khai, chính xác, khách quan, minh bạch, công bằng, đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật; khi kiểm tra không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của đối tượng kiểm tra.

Để hạn chế tối đa trường hợp một công trình nhiều đơn vị kiểm tra; trong công tác kiểm tra cần có sự thông tin, phối hợp chặt chẽ giữa Thanh tra Sở Xây dựng với Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Thực hiện nghiêm Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

3. Khi kiểm tra phải có Thông báo kiểm tra (lần đầu) và Kế hoạch kiểm tra được phê duyệt. Trước khi lập kế hoạch kiểm tra phải tổ chức tuần tra để ghi nhận, nắm rõ tình hình địa bàn quản lý. Kết quả kiểm tra phải được lập thành Biên bản. Hồ sơ công trình phải được cập nhật thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra, xử lý theo quy định.

Điều 3. Những việc phải làm trong quá trình kiểm tra, xử lý và thực hiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính

1. Trước khi kiểm tra công trình cần nghiên cứu kỹ hồ sơ có liên quan để việc kiểm tra được hiệu quả, chính xác, nhanh chóng.



2. Khi kiểm tra công trình, phải có từ 02 người trở lên với trang phục phù hợp (phù hiệu, cấp hiệu và bảng tên theo quy định).

3. Phải nắm vững các quy định pháp luật có liên quan để giải thích, hướng dẫn các cá nhân, đơn vị tham gia hoạt động xây dựng khi có yêu cầu. Lắng nghe, tôn trọng các ý kiến có liên quan; có thái độ thận trọng, khách quan, toàn diện khi xem xét, đánh giá sự việc.

4. Chỉ được làm việc, tiếp xúc với đối tượng kiểm tra tại nơi kiểm tra hoặc trụ sở cơ quan trong giờ hành chính (hoặc ngoài giờ hành chính khi có chỉ đạo).

Điều 4. Những việc không được làm trong quá trình kiểm tra, xử lý và thực hiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính

1. Thực hiện những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định pháp luật.

2. Lợi dụng danh nghĩa cán bộ thanh tra để thực hiện hành vi trái pháp luật; nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất, lợi ích tinh thần để vụ lợi; sách nhiễu, gây khó khăn cho cá nhân, đơn vị tham gia hoạt động xây dựng; Dùng phương tiện, tài sản của cá nhân, đơn vị tham gia hoạt động xây dựng nơi đang kiểm tra vì nhu cầu, lợi ích của cán bộ thanh tra.

3. Kiến nghị, kết luận, quyết định xử lý trái pháp luật; bao che người có hành vi vi phạm pháp luật; truy ép, gợi ý để đối tượng kiểm tra trình bày sự việc theo hướng chủ quan của mình.

CHƯƠNG II

KIỂM TRA, XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 5. Trách nhiệm kiểm tra, xử lý

1. Đội Thanh tra địa bàn chịu trách nhiệm kiểm tra, xử lý đối với các loại công trình, dự án đầu tư xây dựng sau:

a. Công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp Giấy phép xây dựng.

b. Dự án đầu tư xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đầu tư.

c. Nhà ở thuộc dự án phát triển đô thị, dự án phát triển nhà ở có quy mô dưới 7 tầng và tổng diện tích sàn dưới 500 m² có quy hoạch chi tiết 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

d. Công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong công trình không làm thay đổi kết cấu chịu lực, không làm thay đổi công năng sử dụng, không làm ảnh hưởng tới môi trường, an toàn công trình.

đ. Công trình sửa chữa, cải tạo làm thay đổi kiến trúc mặt ngoài không tiếp giáp với đường trong đô thị có yêu cầu về quản lý kiến trúc.

e. Công trình hạ tầng kỹ thuật ở nông thôn chỉ yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và ở khu vực chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn được duyệt.

g. Công trình xây dựng ở nông thôn thuộc khu vực chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt; nhà ở riêng lẻ ở nông thôn, trừ nhà ở riêng lẻ xây dựng trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử - văn hóa.

2. Đội Thanh tra cơ động chịu trách nhiệm kiểm tra, xử lý đối với tất cả các loại công trình, dự án đầu tư xây dựng không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Công tác phối hợp kiểm tra, xử lý; trao đổi thông tin; chế độ báo cáo

1. Công tác phối hợp kiểm tra, xử lý

a. Đối với công trình do Đội Thanh tra địa bàn chịu trách nhiệm kiểm tra, xử lý: Khi kiểm tra công trình cần phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã để cập nhật thông tin và phối hợp xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định tại Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

b. Đối với công trình do Đội Thanh tra cơ động chịu trách nhiệm kiểm tra, xử lý: Khi kiểm tra công trình phải phối hợp với Đội Thanh tra địa bàn để cập nhật thông tin và phối hợp xử lý vi phạm (nếu có) theo quy định.

c. Trường hợp cần thiết, Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động có thể phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, các phòng chuyên môn thuộc Sở Xây dựng hoặc các Sở, ngành có liên quan.

2. Công tác phối hợp trao đổi thông tin

a. Khi tiếp nhận thông tin về công trình khởi công xây dựng hoặc vi phạm xây dựng (nếu có), Đội Thanh tra cơ động và Đội Thanh tra địa bàn phải phối hợp chặt chẽ, kịp thời trao đổi thông tin. Việc trao đổi thông tin bằng hình thức văn bản hoặc điện thoại.

b. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày tiếp nhận được thông tin, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Đội Thanh tra cơ động phải tiến hành kiểm tra, xử lý.

3. Chế độ báo cáo

a. Khi có thông tin về công trình khởi công xây dựng hoặc vi phạm xây dựng (nếu có), người tiếp nhận thông tin phải báo cáo ngay trong ngày cho Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động theo trách nhiệm kiểm tra, xử lý quy định tại Điều 5 Quy trình này.

b. Trường hợp có vi phạm lớn, phức tạp; công trình có sự cố nghiêm trọng; có khiếu nại, tố cáo hoặc có chỉ đạo của Ban Giám đốc Sở, Lãnh đạo Thanh tra Sở, cán bộ thụ lý phải khẩn trương kiểm tra và báo cáo kịp thời theo chỉ đạo.

Điều 7. Thời điểm và số lần kiểm tra

1. Sau khi nhận được Giấy phép xây dựng (hoặc Quyết định phê duyệt dự án) do các cơ quan cấp phép, phê duyệt chuyên đến; Người được phân công phụ trách địa bàn soạn ngay Thông báo (theo mẫu đính kèm Công văn số 5698/TT ngày 15 tháng 9 năm 2015 của Chánh Thanh tra Sở) gửi chủ đầu tư hướng dẫn thực hiện việc đầu tư xây dựng công trình theo đúng giấy phép xây dựng hoặc Quyết định phê duyệt dự án (trừ các giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ). ✓

2. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được thông báo khởi công hoặc phát hiện hoạt động xây dựng tại công trình, Người được phân công phụ trách địa bàn phải dự thảo văn bản trình Lãnh đạo Đội Thanh tra đề nghị chủ đầu tư cung cấp hồ sơ pháp lý có liên quan đến công trình xây dựng theo quy định, cụ thể:

a. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ, bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong dự án đã được phê duyệt quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 và các công trình cấp IV thuộc loại công trình khác (thành phần hồ sơ theo phụ lục 1 kèm Quy trình này).

b. Đối với công trình khác (thành phần hồ sơ theo phụ lục 2 kèm Quy trình này).

Lưu ý: Tùy thuộc các giai đoạn đầu tư xây dựng thực tế tại công trình, dự án, Người được phân công phụ trách địa bàn đề nghị cá nhân, đơn vị có liên quan cung cấp hồ sơ theo các Phụ lục nêu trên.

Hồ sơ đề nghị các cá nhân, đơn vị cung cấp là những thông tin cơ bản. Đối với các công trình có vi phạm (hoặc có dấu hiệu vi phạm), Người được phân công phụ trách địa bàn phải thu thập đầy đủ hồ sơ để xử lý theo quy định.

3. Tùy quy mô, tính chất và tiến độ đầu tư xây dựng, Người được phân công phụ trách địa bàn phải tổ chức kiểm tra hiện trạng công trình tại các thời điểm sau:

a. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích xây dựng sàn nhỏ hơn 250 m² hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12m:

- Kiểm tra lần 1: khi thi công phần móng hoặc tầng 1 (trệt) công trình (trường hợp công trình không có phần ngầm).

- Kiểm tra lần 2: khi thi công phần thân công trình.

- Kiểm tra lần 3: khi thi công đến giai đoạn hoàn thiện hoặc đưa vào sử dụng.

b. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích xây dựng sàn từ 250 m² hoặc từ 3 tầng hoặc có chiều cao từ 12m trở lên và các công trình cấp IV thuộc loại công trình khác:

- Kiểm tra lần 1: khi thi công móng phần ngầm; khi thi công phần móng hoặc tầng 1 (trệt) công trình (trường hợp công trình không có phần ngầm).

- Kiểm tra lần 2: khi thi công phần thân công trình.

- Kiểm tra lần 3: khi thi công xong phần thân công trình.

- Kiểm tra lần 4: khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng.

c. Đối với công trình khác (trừ các công trình cấp IV):

- Kiểm tra lần 1: khi thi công móng phần ngầm, khi thi công phần móng hoặc tầng 1 (trệt) công trình (trường hợp công trình không có phần ngầm).

- Kiểm tra lần 2: khi thi công phần thân công trình.

- Kiểm tra lần 3: khi thi công xong phần thân công trình.

- Kiểm tra lần 4: khi thi công giai đoạn hoàn thiện.

- Kiểm tra lần 5: khi công trình nghiệm thu đưa vào sử dụng ✓

4. Số lần kiểm tra tại khoản 3 Điều này là số lần kiểm tra định kỳ. Đối với các công trình: vi phạm hoặc có dấu hiệu vi phạm; có khiếu nại hoặc tố cáo; có phản ánh; thi công theo phương pháp TOP-DOWN; xây dựng theo Giấy phép cải tạo, sửa chữa; xây dựng theo Giấy phép di dời công trình; có ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Sở, Lãnh đạo Thanh tra Sở, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra Cơ động thì tùy mức độ vi phạm, tính chất phức tạp vụ việc, quy mô công trình, đặc thù địa bàn, yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động chủ động có kế hoạch kiểm tra xử lý (về số lần kiểm tra, thời điểm kiểm tra).

5. Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động có kế hoạch thường xuyên tuần tra đối với địa bàn được giao phụ trách.

Điều 8. Nội dung kiểm tra

1. Căn cứ quy mô, tính chất và tiến độ đầu tư xây dựng công trình, nội dung kiểm tra được thực hiện theo quy định tại phụ lục 3 và phụ lục 4 kèm Quy trình này.

2. Khi xác định công trình đã hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc chủ đầu tư đã thực hiện công tác nghiệm thu theo quy định về quản lý chất lượng công trình, Người được phân công phụ trách địa bàn tổ chức kiểm tra, lập Biên bản kết thúc kiểm tra xây dựng; đồng thời tiếp tục phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi hoạt động xây dựng tại công trình.

3. Người được giao phụ trách địa bàn phải lập Bản theo dõi quá trình kiểm tra công trình xây dựng (đính kèm Phụ lục 5).

Điều 9. Xử lý công trình xây dựng không phép mà theo quy định phải có Giấy phép xây dựng

1. Trong thời hạn 01 ngày kể từ khi phát hiện hành vi xây dựng không phép, Người được phân công phụ trách địa bàn thông tin đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình vi phạm được biết. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không xử lý kịp thời theo quy định, Người được phân công phụ trách địa bàn phải lập Biên bản kiểm tra công trình, đồng thời dự thảo văn bản trình Phó Chánh Thanh tra phụ trách (đối với đội viên Đội Thanh tra cơ động), trình Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn (đối với đội viên Đội Thanh tra địa bàn) chuyển Biên bản kiểm tra công trình đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có công trình vi phạm để xử lý theo quy định.

2. Người được phân công phụ trách địa bàn phải thường xuyên theo dõi việc ngừng thi công của đối tượng vi phạm và quá trình xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không xử lý theo quy định, Người được phân công phụ trách địa bàn báo cáo và đề xuất xử lý theo quy định tại Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 10. Xử lý vi phạm hành chính

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính về trật tự xây dựng, Thanh tra viên, công chức được phân công nhiệm vụ có trách nhiệm lập Biên bản vi phạm hành chính hoặc phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý theo quy định. *h*

2. Đối với hành vi vi phạm mà theo quy định phải đình chỉ thi công, sau khi lập Biên bản vi phạm hành chính phải chuyển đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để ban hành Quyết định đình chỉ thi công theo quy định.

Điều 11. Hồ sơ xử lý vi phạm hành chính

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính; Thanh tra viên, công chức được phân công nhiệm vụ phải lập Tờ trình và hoàn chỉnh hồ sơ xử lý vi phạm hành chính trình Phó Chánh Thanh tra phụ trách (đối với Đội Thanh tra cơ động), Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn (đối với Đội Thanh tra địa bàn).

2. Trường hợp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chánh Thanh tra Sở

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động phải chuyển hồ sơ đến bộ phận tham mưu xử lý vi phạm hành chính để rà soát.

a. Hồ sơ chưa đủ điều kiện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tham mưu xử lý vi phạm hành chính trình Chánh Thanh tra hoặc Phó Chánh Thanh tra được giao quyền hoàn trả về Đội Thanh tra địa bàn hoặc Đội Thanh tra cơ động để hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn trả, Đội Thanh tra cơ động, Đội Thanh tra địa bàn phải bổ sung hồ sơ hoặc giải trình (nếu có) và trình lại hồ sơ theo đúng quy định.

b. Hồ sơ đủ điều kiện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, bộ phận tham mưu xử lý vi phạm hành chính trình Chánh Thanh tra hoặc Phó Chánh Thanh tra được giao quyền xem xét.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chánh Thanh tra hoặc Phó Chánh Thanh tra được giao quyền ký ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

3. Trường hợp Quyết định xử phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, Đội Thanh tra địa bàn hoặc Đội Thanh tra cơ động dự thảo Tờ trình trình Lãnh đạo Thanh tra để kiến nghị Phó Giám đốc Sở phụ trách đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định và chuyển hồ sơ đến bộ phận tham mưu xử lý vi phạm hành chính để rà soát.

a. Hồ sơ chưa đủ điều kiện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tham mưu xử lý vi phạm hành chính trình Chánh Thanh tra hoặc Phó Chánh Thanh tra được giao quyền hoàn trả về Đội Thanh tra địa bàn hoặc Đội Thanh tra cơ động để hoàn chỉnh hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn trả, Đội Thanh tra cơ động, Đội Thanh tra địa bàn phải bổ sung hồ sơ hoặc giải trình (nếu có) và trình lại hồ sơ theo đúng quy định.

b. Hồ sơ đủ điều kiện ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận tham mưu xử lý vi phạm hành chính trình Lãnh đạo Thanh tra duyệt nội dung và kiến nghị Phó Giám đốc Sở phụ trách đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

4. Các cá nhân được giao nhiệm vụ lập hồ sơ, luân chuyển, rà soát hồ sơ xử lý vi phạm hành chính phải đảm bảo cơ sở pháp lý, tuân thủ quy trình và thành phần hồ sơ.

Điều 12. Trách nhiệm theo dõi việc ngừng thi công xây dựng công trình

1. Người được phân công phụ trách địa bàn phải thường xuyên theo dõi việc ngừng thi công xây dựng công trình của đối tượng vi phạm trong suốt quá trình xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không ban hành Quyết định đình chỉ thi công theo quy định hoặc đã ban hành Quyết định đình chỉ thi công nhưng chủ đầu tư không chấp hành ngừng thi công, Người được phân công phụ trách địa bàn báo cáo và đề xuất xử lý theo quy định tại Quy chế phối hợp quản lý trật tự xây dựng của Ủy ban nhân dân thành phố.

CHƯƠNG III TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC QUYẾT ĐỊNH XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Điều 13. Triển khai thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định, Đội Hành chính - Tổng hợp giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (bản chính) đến Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động.

2. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cá nhân, tổ chức vi phạm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày giao Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Đội Thanh tra địa bàn, Đội Thanh tra cơ động lập kế hoạch, gửi Thông báo kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đến cá nhân, tổ chức vi phạm.

4. Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày hết thời hạn thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động tổ chức kiểm tra hoặc phối hợp với đơn vị có liên quan kiểm tra việc chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. ✓

Điều 14. Ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không thực hiện hoặc chưa thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hết thời hạn thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính:

1. Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra ban hành: Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động lập hồ sơ, Tờ trình kèm dự thảo Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và dự thảo văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ theo quy định (đối với trường hợp Quyết định có biện pháp khắc phục hậu quả buộc phá dỡ công trình hoặc bộ phận công trình vi phạm) chuyển Bộ phận theo dõi thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính rà soát, trình Chánh Thanh tra Sở.

2. Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành: Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động lập hồ sơ, dự thảo Tờ trình và kèm dự thảo Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính chuyển Bộ phận theo dõi thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trình Chánh Thanh tra để báo cáo Phó Giám đốc Sở phụ trách đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

Điều 15. Tổ chức thực hiện Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra hoặc Phó Chánh Thanh tra được giao quyền ban hành.

a. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Đội Hành chính Tổng hợp gửi Quyết định (bản chính) đến Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động.

b. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động chỉ đạo công chức phụ trách địa bàn giao Quyết định đến cá nhân, tổ chức bị xử phạt nêu tại Điều 3 của Quyết định và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có công trình vi phạm.

c. Trong trường hợp quá thời hạn theo quy định mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ thì trong thời hạn 02 ngày (kể từ ngày nhận được thông tin việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chưa ban hành Quyết định cưỡng chế phá dỡ) Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn hoặc Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động phải có văn bản báo cáo Lãnh đạo Thanh tra để xem xét, có ý kiến chỉ đạo.

2. Đối với Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành

a. Trong thời hạn 01 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Đội Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm giao quyết định đến Đội Thanh tra địa bàn, Đội trưởng Đội Thanh tra cơ động (bản chính) và bản sao đến Tổ tham mưu, theo dõi quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

b. Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn và Lãnh đạo Đội Thanh tra cơ động tổ chức theo dõi, giám sát việc thực hiện quyết định cưỡng chế; phối hợp với các cá nhân, đơn vị để thực hiện quyết định cưỡng chế; rà soát hồ sơ và dự thảo văn bản trình Chánh Thanh tra đề xuất Giám đốc Sở báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc thi hành Quyết định cưỡng chế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

3. Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 16. Kết thúc việc thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chánh Thanh tra ban hành

Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày cá nhân, tổ chức bị xử phạt thực hiện đầy đủ nội dung của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Lãnh đạo Đội thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra, lập Biên bản ghi nhận việc thực hiện Quyết định; lập Tờ trình đề xuất lưu hồ sơ (đính kèm hình ảnh, danh mục hồ sơ) trình Lãnh đạo Thanh tra Sở.

2. Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành

Lãnh đạo Đội thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức kiểm tra, lập Biên bản ghi nhận việc thực hiện Quyết định; dự thảo văn bản đề xuất Lãnh đạo Thanh tra Sở báo cáo Phó Giám đốc Sở phụ trách trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc thực hiện Quyết định và đề xuất lưu hồ sơ.

3. Nội dung kiểm tra việc thực hiện Quyết định theo *phụ lục 6* đính kèm Quy trình này.

4. Bộ phận theo dõi thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính cập nhật, tổng hợp báo cáo kết quả tổ chức thực hiện các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định cưỡng chế thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

CHƯƠNG IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Khen thưởng và kỷ luật

1. Việc thực hiện tốt Quy trình này là cơ sở đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, đơn vị.

Các Phó Chánh Thanh tra, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động đề xuất Chánh Thanh tra xem xét có hình thức khen thưởng đối với tập thể và cá nhân có thành tích trong công tác kiểm tra, xử lý và tổ chức thực hiện Quyết định xử lý vi phạm hành chính.

2. Các Phó Chánh Thanh tra, Lãnh đạo Đội Thanh tra địa bàn và Đội Thanh tra cơ động, tập thể và cá nhân các Đội trực thuộc Thanh tra Sở không thực hiện hoặc thực hiện không phù hợp nội dung Quy trình này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Giao Đội Hành chính – Tổng hợp có trách nhiệm triển khai Quy trình này để các Đội trực thuộc Thanh tra Sở thực hiện.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, giao các Phó Chánh Thanh tra, Đội trưởng, Đội phó các Đội thuộc Thanh tra Sở chuyển Đội Hành chính – Tổng hợp, đề xuất Chánh Thanh tra xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung phù hợp thực tiễn./.

THANH TRA SỞ



PHỤ LỤC 1

(Bao hành kèm theo Quyết định số 434 /QĐ-TT ngày 12 tháng 11 năm 2015
của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng)

Danh mục hồ sơ đề nghị cung cấp đối với công trình nhà ở riêng lẻ
(bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong dự án được phê duyệt
quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500, công trình khác thuộc cấp IV)

1. Đối với Chủ đầu tư

- Giấy phép xây dựng và các bản vẽ đính kèm giấy phép hoặc Quyết định phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/500 (trường hợp miễn giấy phép xây dựng) kèm các bản vẽ đã được phê duyệt.

- Hợp đồng thi công.

- Hợp đồng tư vấn thiết kế (Trường hợp nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m² hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12 mét thì hộ gia đình được tự thiết kế nếu đủ điều kiện).

2. Đối với đơn vị thi công

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

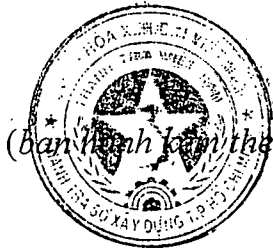
- Hợp đồng bảo hiểm theo quy định.

3. Đối với đơn vị tư vấn thiết kế (chỉ yêu cầu cung cấp khi công trình có tổng diện tích sàn xây dựng từ 250 m² hoặc từ 3 tầng trở lên)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế.

- Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (chỉ yêu cầu cung cấp đối với công trình cấp II trở lên). ✓



PHỤ LỤC 2

(ban hành kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-TT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng)

Danh mục hồ sơ đề nghị cung cấp đối với công trình khác (trừ những công trình cấp IV thuộc loại công trình khác)

1. Đối với Chủ đầu tư

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trường hợp là tổ chức).
- Giấy phép xây dựng và các bản vẽ đính kèm giấy phép hoặc Quyết định phê duyệt dự án (trường hợp miễn giấy phép xây dựng) kèm các bản vẽ đã được thẩm định phê duyệt.
- Hợp đồng bảo hiểm công trình (chỉ yêu cầu đối với công trình có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, môi trường, công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công phức tạp).
 - Hợp đồng thi công.
 - Hợp đồng tư vấn giám sát.
 - Hợp đồng tư vấn thiết kế.
 - Hợp đồng tư vấn quản lý dự án (nếu có).
 - Hợp đồng tư vấn khảo sát.
- Quyết định thành lập Ban Quản lý dự án và hồ sơ năng lực của Giám đốc dự án (trường hợp chủ đầu tư tự quản lý dự án).

2. Đối với đơn vị thi công

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Văn bản bổ nhiệm và hồ sơ năng lực của chỉ huy trưởng công trình.
- Hợp đồng bảo hiểm theo quy định.

3. Đối với đơn vị tư vấn giám sát

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Quyết định thành lập Ban giám sát công trình; chứng chỉ hành nghề giám sát của các thành viên trong ban.

4. Đối với đơn vị tư vấn thiết kế

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Quyết định cử cán bộ và hồ sơ năng lực của giám sát tác giả.
- Chứng chỉ hành nghề của chủ trì thiết kế. ✓

- Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (chỉ yêu cầu cùng cấp đối với công trình cấp II trở lên).

5. Đối với đơn vị tư vấn lập dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Quyết định cử và hồ sơ năng lực của cán bộ chủ nhiệm lập dự án.

6. Đối với đơn vị tư vấn quản lý dự án

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- Quyết định bổ nhiệm và hồ sơ năng lực của Trưởng ban quản lý dự án. **6**



PHỤ LỤC 3

*San hành kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-TT ngày 12 tháng 11 năm 2015
của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng)*

Nội dung kiểm tra đối với công trình nhà ở riêng lẻ
(bao gồm cả nhà ở riêng lẻ trong dự án được phê duyệt
quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500)

1. Đối với chủ đầu tư

- Kiểm tra về thiết kế công trình (trường hợp nhà ở riêng lẻ có tổng diện tích sàn xây dựng nhỏ hơn 250 m² hoặc dưới 3 tầng hoặc có chiều cao dưới 12 mét thì hộ gia đình được tự thiết kế nếu có đủ năng lực):

- Kiểm tra về điều kiện khởi công xây dựng công trình theo Điều 107 của Luật Xây dựng.

- Kiểm tra về giám sát thi công xây dựng công trình.

2. Đối với nhà thầu

- Kiểm tra về điều kiện hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề.

- Kiểm tra về thi công xây dựng.

- Kiểm tra về an toàn trong thi công xây dựng công trình. ✓



PHỤ LỤC 4

Thực hiện kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-TT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng)

Nội dung kiểm tra đối với công trình khác

1. Đối với chủ đầu tư

- Kiểm tra về điều kiện khởi công xây dựng công trình theo quy định tại Luật Xây dựng hiện hành.
- Kiểm tra về tổ chức thi công xây dựng công trình.
- Kiểm tra về giám sát thi công xây dựng công trình.
- Kiểm tra hồ sơ về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định.
- Kiểm tra hồ sơ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của nhà thầu tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

2. Đối với nhà thầu

- Kiểm tra về điều kiện hoạt động xây dựng, năng lực hành nghề.
- Kiểm tra hồ sơ về khảo sát xây dựng.
- Kiểm tra hồ sơ về thi công xây dựng.
- Kiểm tra hồ sơ về an toàn trong thi công xây dựng công trình.
- Kiểm tra hồ sơ về quản lý chất lượng công trình xây dựng.
- Kiểm tra hồ sơ về giám sát thi công xây dựng công trình. ✓



PHỤ LỤC 5

kèm theo Quyết định số 131/QĐ-TT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng

**SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THANH TRA SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số hồ sơ:.....

BẢNG THEO DÕI, KIỂM TRA TIẾN ĐỘ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Tên công trình:

Địa chỉ công trình:

Giấy phép xây dựng (Quyết định phê duyệt dự án):.....

1. Cán bộ thụ lý:..... Thời gian thụ lý:

2. Cán bộ thụ lý:..... Thời gian thụ lý:

I. Tên chủ đầu tư:

Điện thoại:

STT	Hồ sơ pháp lý	Số VB	Ngày ban hành	Ghi chú
1	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.			
2	Quyết định giao đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.			
3	Thoả thuận hoặc phê duyệt quy hoạch 1/500.			
4	Giấy chứng nhận thẩm duyệt Phòng cháy chữa cháy.			
5	Các thoả thuận đấu nối hạ tầng			
6	Văn bản chấp thuận đầu tư			
7	Giấy phép xây dựng (Quyết định phê duyệt dự án) kèm các bản vẽ đã được phê duyệt.			
8	Bản vẽ thiết kế thi công được duyệt (phần kiến trúc).			
9	Hợp đồng thi công			

10	Hợp đồng tư vấn giám sát			
11	Hợp đồng tư vấn thiết kế			
12	Hợp đồng tư vấn khảo sát thiết kế			
13	Hợp đồng tư vấn quản lý dự án (nếu có)			
14	Quyết định hoặc Lệnh khởi công công trình.			
15	Các hồ sơ pháp lý khác có liên quan.			

*** Nhận xét:**

- Về hồ sơ pháp lý:

.....

.....

- Về điều kiện khởi công:

.....

.....

II. Đơn vị thi công:

Công ty:

.....

Giám đốc:ĐT thoại:

Địa chỉ Cty:

.....

Người liên lạc:ĐT thoại:

STT	Hồ sơ Pháp lý	Số VB	Ngày ban hành	Ghi chú
1	• Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực của Công ty.			
2	• Quyết định bổ nhiệm và hồ sơ năng lực của chỉ huy trưởng.			
3	• Hồ sơ quản lý chất lượng xây dựng công trình;			
4	• Các loại Hợp đồng bảo hiểm.			
5	• Các hồ sơ pháp lý khác có liên quan.			

*** Nhận xét:**

- Điều kiện năng lực:

.....

.....

III. Đơn vị tư vấn giám sát:

Công ty:

Giám đốc:ĐT Thoại:

Địa chỉ Cty:

.....

Người liên lạc:ĐT Thoại:

STT	Hồ sơ Pháp lý	Số VB	Ngày ban hành	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none">Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực của Công ty.			
2	<ul style="list-style-type: none">Quyết định bổ nhiệm và hồ sơ năng lực của cán bộ giám sát.			
3	<ul style="list-style-type: none">Hợp đồng bảo hiểm.			
4	<ul style="list-style-type: none">Các hồ sơ pháp lý khác có liên quan.			



*** Nhận xét:**

- Điều kiện năng lực:

.....

.....

IV. Đơn vị tư vấn thiết kế:

Công ty:

.....

Giám đốc:ĐT Thoại:

Địa chỉ Cty:

Người liên lạc:ĐT Thoại:

STT	Hồ sơ Pháp lý	Số VB	Ngày ban hành	Ghi chú
1	<ul style="list-style-type: none"> Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và hồ sơ năng lực của Công ty. 			
2	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định bổ nhiệm và hồ sơ năng lực của các Cán bộ tham gia. 			
3	<ul style="list-style-type: none"> Hợp đồng bảo hiểm. 			
4	<ul style="list-style-type: none"> Các hồ sơ pháp lý khác có liên quan 			

*** Nhận xét:**

- Điều kiện năng lực:

.....

.....

V. Đơn vị khác: (Tư vấn khảo sát; Tư vấn Quản lý dự án; ...)

Công ty:

.....

Giám đốc:ĐT Thoại:

Địa chỉ Cty:

Người liên lạc:ĐT Thoại:

STT	Hồ sơ Pháp lý	Số VB	Ngày ban hành	Ghi chú

*** Nhận xét:**

- Điều kiện năng lực:

.....

.....





VI. Tiến độ kiểm tra

Ngày Kiểm tra	Nội dung Kiểm tra	Kết quả kiểm tra (Ghi rõ hiện trạng và sai phạm)	Kết quả xử lý và khắc phục	Cán bộ thụ lý	Ý kiến của Phó Chánh Thanh tra phụ trách
				Đội Phó	
			
			
			
			

A



PHỤ LỤC 6

Bản trình kèm theo Quyết định số 131 /QĐ-TT ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chánh Thanh tra Sở Xây dựng)

**SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THANH TRƯỞNG SỞ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN Kiểm tra việc thi hành quyết định

Hôm nay, hồi giờ, ngày tháng năm, tại:...

A/ Thành phần kiểm tra:

1. Thanh tra Sở Xây dựng:

a. Đội Thanh tra Cơ động:

- Ông/bà: chức vụ:

- Ông/bà: chức vụ:

b. Đội Thanh tra địa bàn:

- Ông/bà: chức vụ:

- Ông/bà: chức vụ:

2. Các đơn vị phối hợp kiểm tra:

- Ông/bà: chức vụ:

- Ông/bà: chức vụ:

3. Các đơn vị tham gia hoạt động tại công trình:

a. Chủ đầu tư:

b. Đơn vị thi công:

B. Nội dung kiểm tra:

Tiến hành kiểm tra việc thi hành Quyết định số...../QĐ-XPHC theo các nội dung sau:

- Về hình thức phạt chính:

.....
.....
.....
.....

- Về thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Về việc đình chỉ thi công công trình:

.....
.....

+ Về việc phá dỡ phần diện tích vi phạm:

.....

C. Đề nghị, yêu cầu:

.....

D. Các ý kiến:

.....

Biên bản gồm trang, được những người có mặt cùng ký xác nhận vào từng trang và được lập thành bản, có nội dung và giá trị như nhau, giao cho.....

..... 01 bản, 01 bản cơ quan lập biên bản giữ.

Sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

Ý kiến khác (Nếu có):

.....
.....

CHỦ ĐẦU TƯ

THANH TRA SỞ XÂY DỰNG

ĐƠN VỊ THI CÔNG

ĐƠN VỊ PHỐI HỢP